

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THỰC HIỆN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*** Tài liệu này hướng dẫn sinh viên các bước cơ bản trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp, từ lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương, thu thập và xử lý tài liệu/dữ liệu đến viết, trình bày và bảo vệ khóa luận. Sinh viên cần thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và các quy định hiện hành của Khoa, Nhà trường.

I. LỰA CHỌN ĐỀ TÀI

Đề tài khóa luận tốt nghiệp có thể do sinh viên tự đề xuất hoặc do giảng viên hướng dẫn/Khoa gợi ý, phân công. Khi lựa chọn đề tài, sinh viên cần cân nhắc các yếu tố sau:

- Năng lực và hứng thú cá nhân: đề tài nên thuộc lĩnh vực sinh viên có kiến thức, quan tâm hoặc mong muốn tìm hiểu sâu.
- Ý nghĩa thực tiễn: đề tài cần gắn với những vấn đề thực tế, có giá trị đối với học tập, nghiên cứu hoặc ứng dụng trong đời sống.
- Sự phù hợp với ngành học: đề tài cần nằm trong phạm vi chuyên môn của ngành/chuyên ngành đào tạo.
- Điều kiện hướng dẫn: cần có giảng viên đủ chuyên môn và kinh nghiệm để hướng dẫn.
- Nguồn tài liệu và dữ liệu: đề tài cần có tài liệu tham khảo, tư liệu hoặc dữ liệu phù hợp để triển khai nghiên cứu.
- Điều kiện thực hiện: cần cân nhắc thời gian, phương tiện, thiết bị, kinh phí và khả năng thu thập dữ liệu.

Tên đề tài cần **ngắn gọn, rõ nghĩa, không mơ hồ**, đồng thời thể hiện được **đối tượng, phạm vi và hướng nghiên cứu chính**.

Ví dụ:

1. Đặc điểm ngôn ngữ quảng cáo tiếng Hàn trên mạng xã hội.
2. Lỗi nói kiêng kị trong tiếng Nhật và tiếng Việt: nghiên cứu đối chiếu.

Khi xác định đề tài, sinh viên cần phân biệt ba khái niệm cơ bản:

- **Đối tượng nghiên cứu:** vấn đề hoặc nội dung chính mà khóa luận trực tiếp phân tích.
- **Khách thể nghiên cứu:** môi trường, lĩnh vực, cộng đồng hoặc hiện tượng chứa đựng đối tượng nghiên cứu.
- **Đối tượng khảo sát:** nguồn dữ liệu cụ thể được thu thập để phục vụ nghiên cứu.

Ví dụ 1: Đề tài “**Đặc điểm ngôn ngữ quảng cáo tiếng Hàn trên mạng xã hội**”

- Đối tượng nghiên cứu: đặc điểm ngôn ngữ trong quảng cáo tiếng Hàn.
- Khách thể nghiên cứu: hoạt động quảng cáo bằng tiếng Hàn trên mạng xã hội.
- Đối tượng khảo sát: các bài đăng quảng cáo trên Instagram, YouTube, Naver Blog, v.v.

Ví dụ 2: Đề tài “Lối nói kiêng kị trong tiếng Nhật và tiếng Việt: nghiên cứu đối chiếu”

- Đối tượng nghiên cứu: các hình thức và đặc điểm của lối nói kiêng kị.
- Khách thể nghiên cứu: giao tiếp ngôn ngữ của người Nhật và người Việt.
- Đối tượng khảo sát: từ ngữ, cách diễn đạt, tình huống giao tiếp hoặc tư liệu văn hóa liên quan đến kiêng kị.

Tóm lại, lựa chọn đề tài là bước đầu tiên và quan trọng trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Một đề tài phù hợp sẽ giúp sinh viên triển khai nghiên cứu thuận lợi, đúng hướng và đạt kết quả tốt.

II. XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Đề cương nghiên cứu giúp sinh viên xác định rõ hướng triển khai khóa luận trước khi thực hiện. Một đề cương cơ bản thường gồm các nội dung sau:

2.1. Lý do chọn đề tài

Trình bày nguyên nhân lựa chọn đề tài, nêu rõ vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì về mặt khoa học, thực tiễn hoặc học tập.

2.2. Đối tượng, khách thể và đối tượng khảo sát

Xác định rõ nội dung chính cần nghiên cứu, phạm vi chứa đựng vấn đề nghiên cứu và nguồn dữ liệu cụ thể sẽ được khảo sát.

2.3. Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu là kết quả mà khóa luận hướng đến.

Phạm vi nghiên cứu giới hạn đề tài về không gian, thời gian, đối tượng, tư liệu hoặc dữ liệu khảo sát, giúp nghiên cứu tập trung và không lệch trọng tâm.

2.4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nêu các công việc cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu nghiên cứu, ví dụ: hệ thống hóa cơ sở lý luận, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, đánh giá kết quả và đề xuất kiến nghị.

2.5. Phương pháp nghiên cứu

Sinh viên cần lựa chọn phương pháp phù hợp với đề tài. Một số phương pháp thường dùng gồm:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: thu thập, phân tích, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các tài liệu liên quan.
- Phương pháp khảo sát/điều tra: sử dụng bảng hỏi, phỏng vấn hoặc thu thập dữ liệu thực tế.
- Phương pháp quan sát: ghi nhận hiện tượng, hành vi hoặc tình huống trong thực tế.
- Phương pháp thống kê, phân loại: sắp xếp và xử lý dữ liệu theo nhóm, tiêu chí hoặc tần suất.
- Phương pháp so sánh, đối chiếu: làm rõ điểm giống và khác nhau giữa các đối tượng nghiên cứu.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp: phân tích dữ liệu, rút ra nhận xét và kết luận nghiên cứu.

Bảng 1. Một số phương pháp nghiên cứu tài liệu và dấu hiệu nhận biết

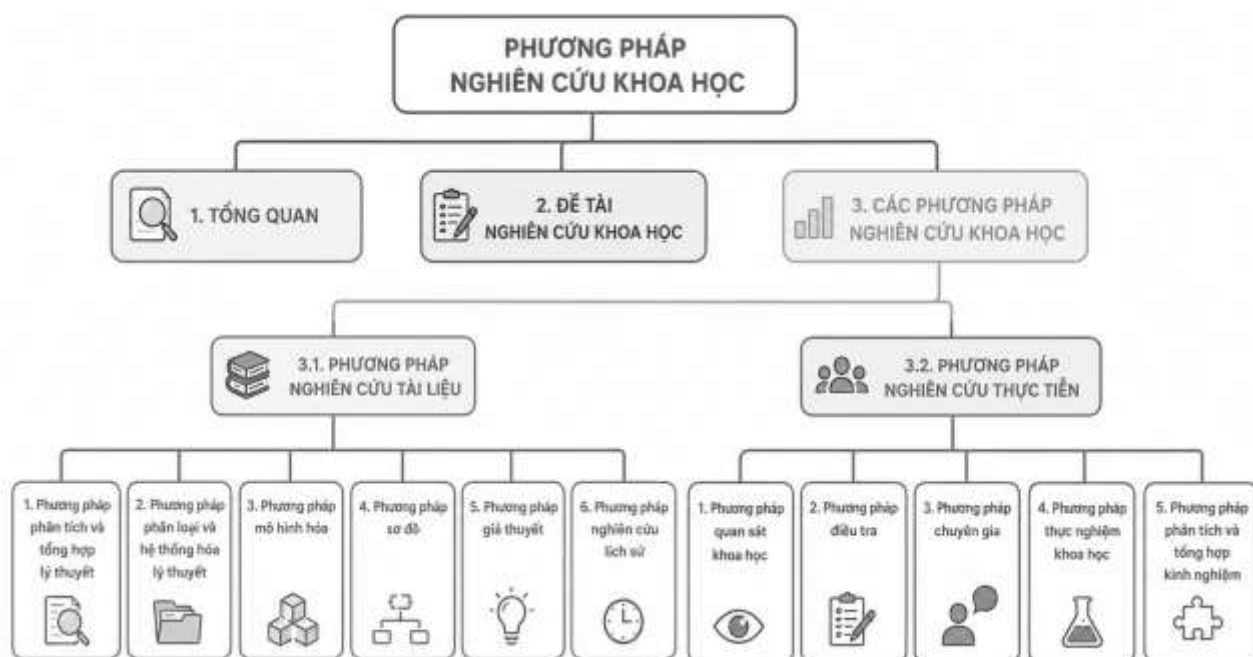
Phương pháp nghiên cứu	Từ khóa nhận biết	Dấu hiệu nhận biết
Phân tích lý thuyết	Tách ra, chia thành bộ phận, yếu tố, thành phần	<i>Tách vấn đề thành các bộ phận, yếu tố hoặc thành phần để xem xét.</i> Tách một vấn đề thành các bộ phận, yếu tố hoặc thành phần để xem xét, làm rõ đặc điểm, cấu trúc hay bản chất của đối tượng nghiên cứu.
Tổng hợp lý thuyết	Ghép lại, khái quát hóa, rút ra kết luận chung	<i>Kết hợp các nội dung riêng lẻ để khái quát và rút ra kết luận chung.</i> Kết hợp các nội dung, quan điểm hoặc kết quả nghiên cứu riêng lẻ để khái quát hóa, rút ra nhận định hoặc kết luận chung.
Phân loại lý thuyết	Chia nhóm, xếp loại, phân chia theo tiêu chí	<i>Chia nội dung thành các nhóm hoặc loại theo tiêu chí nhất định.</i> Chia nội dung nghiên cứu thành các nhóm, kiểu loại hoặc hệ thống tiêu chí dựa trên những đặc điểm chung nhất định.
Hệ thống hóa lý thuyết	Liên kết thành hệ thống, sắp xếp logic, chỉnh thể	<i>Sắp xếp nội dung thành hệ thống có logic và mối liên hệ rõ ràng.</i> Sắp xếp các khái niệm, quan điểm hoặc nội dung nghiên cứu thành một chỉnh thể có logic, thể hiện mối liên hệ giữa các thành phần.
Mô hình hóa	Mô phỏng, xây dựng mô hình, giải thích quan hệ, dự báo	<i>Xây dựng mô hình để mô phỏng, giải thích hoặc dự báo.</i> Xây dựng mô hình để mô phỏng, giải thích mối quan hệ giữa các yếu tố hoặc dự báo xu hướng, kết quả của đối tượng nghiên cứu.
Sơ đồ	Trực quan hóa, biểu diễn bằng sơ đồ, biểu đồ, hình vẽ	<i>Trình bày nội dung bằng sơ đồ, biểu đồ hoặc hình vẽ.</i> Biểu diễn nội dung, quy trình hoặc mối quan hệ giữa các yếu tố bằng sơ đồ, biểu đồ, hình vẽ nhằm trực quan hóa vấn đề nghiên cứu.
Giả thuyết	Dự đoán, “nếu... thì...”, kiểm chứng, bác bỏ	<i>Đưa ra dự đoán cần được kiểm chứng hoặc bác bỏ.</i> Đưa ra dự đoán hoặc nhận định mang tính giả định về đối tượng nghiên cứu để tiếp tục kiểm chứng, bác bỏ hoặc khẳng định.
Nghiên cứu lịch sử	Quá trình phát triển, nguồn gốc, diễn biến theo thời gian	<i>Xem xét quá trình hình thành và phát triển của đối tượng theo thời gian.</i> Xem xét quá trình hình thành, phát triển, biến đổi của đối tượng nghiên cứu theo thời gian nhằm làm rõ nguồn gốc và tiến trình vận động của nó.

Bảng 2. Một số phương pháp nghiên cứu thực tiễn thường dùng và dấu hiệu nhận biết

Phương pháp nghiên cứu	Từ khóa nhận biết	Dấu hiệu thường gặp trong câu hỏi nghiên cứu
------------------------	-------------------	--

Phương pháp quan sát khoa học	Quan sát - theo dõi - ghi chép - hành vi - hiện tượng - trực tiếp	Nhà nghiên cứu theo dõi đối tượng trong thực tế, ghi nhận hành vi, sự kiện, hiện tượng để ghi nhận đặc điểm, biểu hiện hay diễn biến của chúng mà không hỏi đáp hay can thiệp.
Phương pháp điều tra	Hỏi - khảo sát - phỏng vấn - bảng hỏi - phiếu khảo sát - anket - trắc nghiệm	Thu thập thông tin ý kiến hoặc dữ liệu từ nhiều người thông qua việc đặt câu hỏi bằng các hình thức khác nhau.
Phương pháp chuyên gia	Chuyên gia - nhà khoa học - nhà nghiên cứu - cố vấn - hội đồng - ý kiến đánh giá - dự báo	Xin ý kiến của những người có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm cao để đánh giá, nhận định hoặc dự báo về một vấn đề.
Phương pháp thực nghiệm khoa học	Tác động - can thiệp - thử nghiệm - đối chứng - kiểm chứng giả thuyết - so sánh kết quả	Nhà nghiên cứu chủ động tạo ra hoặc thay đổi điều kiện tác động lên đối tượng nhằm quan sát ảnh hưởng của sự thay đổi đó đến kết quả nghiên cứu.
Phương pháp phân tích và tổng hợp kinh nghiệm	Kinh nghiệm - bài học - mô hình thành công - tổng kết thực tiễn - rút ra quy luật	Nghiên cứu khai thác các kinh nghiệm thực tiễn đã có, phân tích thành công và hạn chế để rút ra bài học, kết luận hoặc quy luật chung.

Sơ đồ 1: Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học



2.6. Dàn ý nội dung của đề tài nghiên cứu khóa luận

Dàn ý nội dung dự kiến của đề tài khóa luận gồm ba phần chính: mở đầu, nội dung và kết luận. Trong đó, phần nội dung chia thành các chương, mục, tiểu mục.

Lập dàn ý là bước xây dựng khung nội dung cho bài viết hoặc công trình nghiên cứu nhằm tổ chức các ý tưởng một cách logic, đảm bảo tính khoa học, mạch lạc và hỗ trợ quá trình triển khai nội dung hiệu quả.

Ví dụ: DÀN Ý ĐỀ TÀI

NGÔN NGỮ QUẢNG CÁO TRONG TIẾNG HÀN TRÊN MẠNG XÃ HỘI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

- Sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và quảng cáo trực tuyến.
- Tiếng Hàn ngày càng phổ biến thông qua các nền tảng số và văn hóa Hàn Quốc.
- Ngôn ngữ quảng cáo trên mạng xã hội có nhiều đặc điểm khác với quảng cáo truyền thống.
- Nghiên cứu góp phần làm rõ đặc điểm sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh truyền thông số.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Phân tích đặc điểm ngôn ngữ quảng cáo bằng tiếng Hàn trên mạng xã hội.
- Làm rõ các biện pháp ngôn ngữ được sử dụng để thu hút người tiêu dùng.
- Đề xuất một số ứng dụng trong giảng dạy, học tập hoặc dịch thuật tiếng Hàn.

3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Các nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ quảng cáo và quảng cáo trên mạng xã hội có thể được khái quát thành các hướng chính sau:

- Nghiên cứu về ngôn ngữ quảng cáo nói chung
 - Phân tích đặc điểm từ vựng, ngữ pháp và phong cách của ngôn ngữ quảng cáo.
 - Nghiên cứu các biện pháp tu từ và chiến lược thuyết phục trong quảng cáo.
- Nghiên cứu về ngôn ngữ quảng cáo tiếng Hàn
 - Khảo sát đặc điểm ngôn ngữ trong quảng cáo trên báo chí, truyền hình và các phương tiện truyền thông.
 - Phân tích việc sử dụng từ vay mượn, từ mới, khẩu hiệu (slogan) và lối diễn đạt nhằm thu hút người tiêu dùng.
- Nghiên cứu về quảng cáo trên mạng xã hội
 - Tập trung vào ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hoạt động marketing và truyền thông thương hiệu.
 - Phân tích cách kết hợp văn bản, hình ảnh, video, hashtag và biểu tượng cảm xúc trong nội dung quảng cáo.
- Nghiên cứu đối chiếu và ứng dụng
 - So sánh ngôn ngữ quảng cáo giữa tiếng Hàn với các ngôn ngữ khác.
 - Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy ngoại ngữ, dịch thuật và truyền thông.

Nhìn chung, đã có nhiều công trình nghiên cứu về ngôn ngữ quảng cáo và quảng cáo trên môi trường số. Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm ngôn ngữ của quảng cáo tiếng Hàn trên mạng xã hội, đặc biệt dưới góc độ ngôn ngữ học và trên cơ sở ngữ liệu thực tế, vẫn còn hạn chế. Đây là khoảng trống mà đề tài hướng đến khai thác và bổ sung.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Ngôn ngữ được sử dụng trong các bài đăng quảng cáo bằng tiếng Hàn trên mạng xã hội.

- Phạm vi nghiên cứu

- Chỉ khảo sát quảng cáo bằng tiếng Hàn trên mạng xã hội.
- Không nghiên cứu quảng cáo trên truyền hình, báo in hoặc website thương mại điện tử.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập tư liệu.
- Phương pháp thông kê, phân loại.
- Phương pháp phân tích diễn ngôn.
- Phương pháp so sánh và tổng hợp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Ý nghĩa khoa học:

Đề tài góp phần làm rõ đặc điểm ngôn ngữ quảng cáo trong tiếng Hàn trên mạng xã hội, đồng thời bổ sung tư liệu cho nghiên cứu về ngôn ngữ học, truyền thông và tiếng Hàn hiện đại.

Ý nghĩa thực tiễn:

Kết quả nghiên cứu có thể được ứng dụng trong giảng dạy và học tập tiếng Hàn, hỗ trợ biên dịch, truyền thông, marketing, cũng như giúp người học hiểu và sử dụng hiệu quả ngôn ngữ quảng cáo trong bối cảnh thực tế.

7. Bố cục của khóa luận

Chương 1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

Chương 2. Đặc điểm ngôn ngữ quảng cáo tiếng Hàn trên mạng xã hội

Chương 3. Đánh giá và ứng dụng

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Khái niệm quảng cáo và ngôn ngữ quảng cáo

1.1.1 Khái niệm quảng cáo.

1.1.2 Khái niệm ngôn ngữ quảng cáo.

1.1.3 Chức năng của ngôn ngữ quảng cáo.

1.2. Đặc điểm của quảng cáo trên mạng xã hội

1.2.1 Tính tương tác.

1.2.2 Tính ngắn gọn.

1.2.3 Tính đa phương thức (văn bản, hình ảnh, video, biểu tượng cảm xúc).

1.2.3 Khả năng lan truyền nhanh.

1.3. Đặc điểm chung của tiếng Hàn trong truyền thông số

1.3.1 Từ viết tắt.

1.3.2 Từ vay mượn.

1.3.3 Từ mới.

1.3.4 Biểu tượng cảm xúc và hashtag.

1.4. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

1.4.1 Nghiên cứu trong và ngoài nước về ngôn ngữ quảng cáo.

1.4.2 Nghiên cứu về quảng cáo tiếng Hàn trên môi trường trực tuyến.

CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ QUẢNG CÁO TIẾNG HÀN

TRÊN MẠNG XÃ HỘI

2.1. Đặc điểm từ vựng

2.1.1 Sử dụng từ Hán Hàn.

2.1.2 Từ ngoại lai (đặc biệt từ tiếng Anh).

2.1.3 Từ mới và từ xu hướng.

2.1.4 Từ mang sắc thái tích cực.

2.1.5 Từ nhấn mạnh lợi ích sản phẩm.

2.2. Đặc điểm ngữ pháp

2.2.1 Câu ngắn gọn.

2.2.2 Câu mệnh lệnh.

2.2.3. Câu nghi vấn nhằm thu hút sự chú ý.

2.2.3 Câu cảm thán.

2.2.4 Lược bỏ thành phần câu.

2.3. Biện pháp tu từ

2.3.1 Chơi chữ.

2.3.2 Điệp từ.

2.3.3. So sánh.

2.3.4. Ấn dụ.

2.3.5 Phóng đại.

2.3.6 Gieo vần.

2.4. Đặc điểm phong cách

2.4.1 Thân mật, gần gũi.

2.4.2 Cá nhân hóa người đọc.

2.4.3 Tạo cảm giác cấp bách.

2.4.4 Khuyến khích hành động (CTA – Call to Action).

2.5. Kết quả thống kê

2.5.1 Tần suất xuất hiện của các kiểu từ ngữ.

2.5.2 Tần suất các cấu trúc câu.

2.5.3 Tần suất các biện pháp tu từ.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ VÀ ỨNG DỤNG

3.1. Đánh giá hiệu quả sử dụng ngôn ngữ quảng cáo

3.1.1 Khả năng thu hút sự chú ý.

3.1.2 Khả năng tạo cảm xúc.

3.1.3 Khả năng thuyết phục người tiêu dùng.

3.2. So sánh với quảng cáo truyền thống (nếu có)

3.2.1 Điểm giống.

3.2.3 Điểm khác.

3.3. Ứng dụng

3.3.1 Trong giảng dạy tiếng Hàn.

3.3.2 Trong dịch thuật.

3.3.3 Trong hoạt động marketing và truyền thông số.

3.3.4 Trong nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.

KẾT LUẬN

- Tóm tắt các kết quả nghiên cứu chính.

- Khẳng định những đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ quảng cáo tiếng Hàn trên mạng xã hội.

- Nêu hạn chế của nghiên cứu và gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo.

Phụ lục (nếu có)

Danh mục bài đăng quảng cáo được khảo sát.

Bảng thống kê dữ liệu.

Ví dụ minh họa và hình ảnh chụp màn hình quảng cáo.

Mục đích của việc lập dàn ý là xác định trước cấu trúc và nội dung chính của bài viết hoặc công trình nghiên cứu, giúp quá trình triển khai được logic, đầy đủ và có hệ thống. Cụ thể:

- Xác định bố cục và trình tự trình bày các ý chính, ý phụ.
- Đảm bảo tính mạch lạc, tránh bỏ sót hoặc lặp lại nội dung.
- Định hướng quá trình nghiên cứu và viết bài, giúp tiết kiệm thời gian và công sức.
- Phân bổ nội dung hợp lý giữa các chương, mục hoặc phần của bài viết.
- Tạo thuận lợi cho việc chỉnh sửa, bổ sung và đánh giá trước khi hoàn thiện bản thảo.

Sau khi xử lý thông tin tài liệu và dữ liệu thì dàn ý hoặc đề cương chi tiết, hoặc cấu trúc của khóa luận có thể thay đổi nhằm đảm bảo tính trọng tâm nghiên cứu của đề tài. Dàn ý hoặc

đề cương chi tiết là những ý tưởng ban đầu nên độ tin cậy và chính xác không cao. Sau quá trình tìm tòi nghiên cứu, người nghiên cứu có thể thay đổi hoàn toàn dàn ý hoặc đề cương chi tiết sao cho phù hợp với trọng tâm đề tài.

2.7. Kế hoạch tiến độ thực hiện đề tài

Kế hoạch tiến độ thực hiện đề tài được xây dựng căn cứ vào quy định của khoa và trường. Sinh viên cần phân bổ thời gian hợp lý để hoàn thành khóa luận đúng thời hạn.

Sau khi chọn được giảng viên hướng dẫn và xác định hướng nghiên cứu cơ bản, sinh viên nên lập kế hoạch thực hiện khóa luận theo từng giai đoạn, bao gồm: xây dựng đề cương, thu thập tài liệu và dữ liệu, xử lý thông tin, viết bản thảo, chỉnh sửa, hoàn thiện và bảo vệ khóa luận.

Kế hoạch cần thể hiện rõ nội dung công việc, thời gian thực hiện và kết quả dự kiến của từng giai đoạn, giúp sinh viên quản lý tiến độ và triển khai nghiên cứu một cách khoa học.

3. THU THẬP TÀI LIỆU

3.1. Thu thập tài liệu

Thu thập tài liệu là quá trình tìm kiếm, lựa chọn, tổng hợp và sử dụng các nguồn thông tin có liên quan đến đề tài nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở lý luận, nắm bắt tình hình nghiên cứu trước đó và hỗ trợ việc phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu.

Trong nghiên cứu khoa học, tài liệu được thu thập có thể bao gồm: sách chuyên khảo, giáo trình, bài báo khoa học trên các tạp chí, luận văn, luận án, kỷ yếu hội thảo khoa học, văn bản pháp luật, báo cáo chính thức, tài liệu điện tử và các nguồn dữ liệu đáng tin cậy trên Internet.

Thu thập tài liệu là nguồn thông tin có sẵn do các tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử (Sách, giáo trình, bài báo khoa học, luận văn, văn bản chính thức)

Mục đích của việc thu thập tài liệu

- Giúp người nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài, làm rõ hơn đề tài nghiên cứu của mình.
- Giúp người nghiên cứu nắm được phương pháp của các nghiên cứu đã thực hiện trước đây, hỗ trợ lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp.
- Tránh trùng lặp các nghiên cứu trước đây.
- Giúp người nghiên cứu xây dựng luận cứ để phân tích, so sánh và giải thích kết quả nghiên cứu.

3.2. Thu thập dữ liệu

Thu thập dữ liệu là quá trình thu nhận, ghi chép và lưu trữ các thông tin hoặc số liệu cần thiết từ nhiều nguồn khác nhau nhằm phục vụ việc phân tích và trả lời các câu hỏi nghiên cứu hoặc kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu. Trong nghiên cứu khoa học, dữ liệu có thể là:

Dữ liệu định tính: văn bản, lời nói, hình ảnh, video, ý kiến phỏng vấn, tài liệu, v.v.

Dữ liệu định lượng: số liệu thống kê, kết quả khảo sát, bảng hỏi, kết quả đo lường, v.v.

Mục đích của thu thập dữ liệu

- Cung cấp bằng chứng cho người nghiên cứu trả lời câu hỏi nghiên cứu.
- Làm cơ sở cho người nghiên cứu thuận lợi phân tích và rút ra kết luận.
- Giúp người nghiên cứu kiểm chứng hoặc bác bỏ các giả thuyết nghiên cứu.

- Đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của nghiên cứu.

Thu thập dữ liệu là nguồn tài liệu do chính người nghiên cứu tìm kiếm thông qua khảo sát, phỏng vấn, quan sát, thực nghiệm, hoặc ngữ liệu do nhà nghiên cứu lựa chọn, v.v. Thu thập dữ liệu thường mang tính mới, tính sáng tạo của người nghiên cứu, góp phần tăng độ tin cậy và tính mới của khóa luận. Đây là dữ liệu quan trọng nhất phục vụ cho việc hoàn thành đề tài.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ THU THẬP TÀI LIỆU/DỮ LIỆU

Tùy đề tài nghiên cứu của khóa luận mà lựa chọn các phương pháp nghiên cứu thích hợp để thu thập tài liệu/dữ liệu:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu từ các nguồn: sách, thư viện điện tử, tạp chí, báo cáo khoa học, tác phẩm khoa học, tài liệu lưu trữ, số liệu thống kê, thông tin đại chúng, v.v. có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm, phương pháp điều tra, phương pháp chuyên gia, phương pháp phân tích và tổng hợp kinh nghiệm, v.v.

5. XỬ LÝ THÔNG TIN

5.1. Chọn lọc tài liệu, dữ liệu, số liệu

Sinh viên cần xem xét mối quan hệ giữa các tài liệu, dữ liệu và số liệu đã thu thập; đồng thời so sánh, đối chiếu và lựa chọn những thông tin quan trọng, thiết thực, có độ tin cậy cao và phù hợp với đề tài nghiên cứu.

5.2. Sắp xếp tài liệu, dữ liệu và số liệu

Tài liệu, dữ liệu và số liệu cần được phân nhóm theo từng nội dung nghiên cứu. Trên cơ sở đó, sinh viên sắp xếp thông tin theo dàn ý hoặc đề cương chi tiết, lựa chọn những vấn đề trọng tâm để phân tích.

5.3. Phân tích và xử lý thông tin

Đây là giai đoạn cơ bản, quyết định chất lượng của đề tài vì các dữ liệu, số liệu được xử lý đúng đắn, chính xác có ý nghĩa trong việc xác nhận hay bác bỏ giả thuyết nêu ra.

Mục đích của việc phân tích và xử lý thông tin, tài liệu, dữ liệu, số liệu là tập hợp, chọn lọc và hệ thống hóa các phần khác nhau của thông tin, của dữ liệu đã có để từ đó tìm ra những khía cạnh mới, kết luận mới về đối tượng nghiên cứu.

6. VIẾT VÀ TRÌNH BÀY KHÓA LUẬN (theo mẫu của Khoa/Trường)

Trong quá trình viết, cần chú ý bố cục, cách trình bày, trích dẫn, danh mục tài liệu tham khảo, bảng biểu, hình ảnh và các phụ lục nếu có.

7. BẢO VỆ KHÓA LUẬN (theo quy định chung của Khoa/Trường)

Trước buổi bảo vệ, sinh viên cần chuẩn bị bản tóm tắt nội dung nghiên cứu, bài trình chiếu, các tài liệu liên quan và dự kiến câu trả lời cho những vấn đề Hội đồng có thể đặt ra.